NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ĐẶC ĐIỂM VỀ CÁCH ĐẶT TÊN KHÁCH SẠN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN*

TÓM TẮT: Địa danh là những từ ngữ được sử dụng để gọi tên và khu biệt, định vị các đối tượng địa lí tự nhiên và địa lí do con người kiến tạo. Địa danh ẩn chứa nhiều giá trị ngôn ngữ và văn hóa của cộng đồng qua từng thời kì lịch sử. Trên cơ sở lí thuyết về phân loại địa danh, bài viết xây dựng các tiêu chí phân loại, từ đó làm rõ đặc điểm về cách đặt tên khách sạn tại thành phố Hồ Chí Minh theo các nhóm: Tên gọi khách sạn là tiếng nước ngoài; Tên gọi khách sạn là tiếng Việt: Tên gọi khách sạn là tiếng Việt kết hợp với tiếng nước ngoài. Kết quả nghiên cứu góp phần thể hiện giá trị ngôn ngữ và văn hóa qua tên gọi địa danh, góp phần phát triển kinh doanh khách sạn trong ngành du lịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

TỪ KHÓA: đặc điểm; nguồn gốc; tên gọi; khách sạn; thành phố Hồ Chí Minh.
NHẬN BÀI: 21/4/2022. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 7/7/2022

1. Đặt vấn đề

Địa danh học là một bộ phận của từ vựng học, chuyên nghiên cứu nguồn gốc, ý nghĩa và đặc điểm cấu tạo các tên gọi chỉ các đối tượng địa lí tự nhiên và nhân văn. Phân loại địa danh theo đối tượng, có các loại: địa danh chỉ các đối tượng tự nhiên, địa danh chỉ đối tượng nơi cư trú, địa danh chỉ các công trình xây dựng. Nghiên cứu đặc điểm nguồn gốc của tên gọi khách sạn góp phần làm rõ những nét đặc trưng về ngôn ngữ và văn hóa của hệ thống khách sạn trên địa bàn.

Thành phố (TP) Hồ Chí Minh là TP lớn nhất ở Việt Nam về dân số và quy mô đô thị hóa. Đây còn là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục và du lịch của cả nước. Là một TP trẻ chỉ với 300 năm lịch sử, nhưng TP Hồ Chí Minh đã xây dựng được không ít công trình kiến trúc và sở hữu một nền văn hóa đa dạng. Ngành Du lịch TP. Hồ Chí Minh có nhiều hoạt động, số lượng khách nội địa và quốc tế đến tham quan du lịch tại TP ngày càng tăng cả về chất và lượng, Các địa điểm du lịch của TP khá phong phú. Hiện nay, TP. Hồ Chí Minh có 641 khách sạn, với 17.646 phòng [Cục Thống kê TP. Hồ Chí Minh, 2014]. Do đó, ngành kinh doanh khách sạn có nhiều lợi thế, vừa góp phần tạo cảnh quan đô thị hiện đại, đáp ứng nhu cầu của các đối tượng khách hàng; tạo việc làm, thu nhập cho người lao động góp nguồn thu cho địa phương.

Nghiên cứu đặc điểm ngôn ngữ tên gọi các khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh, góp phần: bổ sung tài liệu về danh mục tên gọi và xu hướng đặt tên cho tổ chức, cá nhân kinh doanh khách sạn trong ngành Du lịch; truyền tải thông điệp về ý nghĩa tên gọi khách sạn gắn liền với phương châm kinh doanh, phục vụ, định hướng phát triển; biểu hiện bản sắc văn hóa, thích ứng với thời kì hội nhập; thể hiện trình độ văn hóa, vẻ đẹp ngôn ngữ trong kinh doanh. Kết quả nghiên cứu cung cấp thông tin giúp du khách hiểu nội dung, ý nghĩa tên gọi tạo ấn tượng về địa chỉ, phong cách phục vụ của khách sạn để lựa chọn lưu trú khi tham gia du lịch tại TP. Hồ Chí Minh, đồng thời, góp phần định hướng phát triển ngành du lịch tại địa phương trong thời kì mới.

2. Phân loại địa danh

Đã có nhiều công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong nước và quốc tế đưa ra nhiều quan điểm về phân loại địa danh trên cơ sở cách tiếp cận ở các phương diện khác nhau, chẳng hạn:

Địa danh học phương Tây và Xô Viết trước đây phân loại địa danh theo hai tiêu chí: a) Nguồn gốc ngữ nguyên cấu thành địa danh; b) Đối tượng mà địa danh phản ánh. (dẫn theo [Lê Trung Hoa, 2006]; [Nguyễn Kiên Trường, 1996]): A.Dauzat trong "*La toponymie Francaise*" phân địa danh theo bốn nhóm ngữ nguyên: (1) Vấn đề cơ sở tiền Ấn-Âu; (2) Các danh từ tiền Latin về nước trong Thủy danh học; (3) Các từ nguyên Gôloa - La Mã; (4) Địa danh học Gôloa - La Mã của vùng Auvergne và Velay. Ch. Rostaing trong "*Les noms des lieux*" đã lấy tiêu chí của sự kết hợp giữa nguồn gốc ngôn ngữ và đối tượng địa lí để phân loại địa danh thành 11 loại khác nhau [A Dauzat, 1948, tr.11]. A.V.Superanskaja

* *Trường Đại học Tài chính-Marketing Thành phố Hồ Chí Minh; Email: ntt.huyen@ufm.edu.vn*

đã chia địa danh thành 8 loại: Điểm dân cư (oiconim), địa điểm phi dân cư (micro toponim), tên gọi sông (ghiđronim), tên gọi núi (oronim), tên đường phố (hođonim), tên mạng lưới giao thông (đromonim), tên quảng trường (agoronim), tên các công trình bên trong TP (urbanonim) [A.V. Superanskaja, 1985, tr.3].

Các nhà địa danh học ở Việt Nam cũng đưa ra những tiêu chí phân loại địa danh khác nhau. Theo Nguyễn Văn Âu (2002), Đặng Xuân Bảng, trong "*Sử học bị khảo*" - phần "Địa lí khảo hạ", đã trình bày địa danh Việt Nam theo diên cách (sự biến đổi cũ - mới). Cách trình bày này góp phần làm rõ nguồn gốc của địa danh. Về sau, Nguyễn Văn Âu đã dựa trên những đặc tính cơ bản về địa lí và xã hội để đưa ra cách phân loại địa danh theo loại, kiểu và dạng địa danh. Theo đó, địa danh Việt Nam được tác giả phân thành *2 loại địa danh* (địa danh tự nhiên và địa danh kinh tế-xã hội), *7 kiểu địa danh* (thuỷ danh, sơn danh, lâm danh, làng xã, huyện thị, tỉnh, TP và quốc gia) và *12 dạng địa danh* khác nhau (sông ngòi, hồ đầm, đồi núi, hải đảo, rừng rú, truông - trảng, làng - xã, huyện - quận, thị trấn, tỉnh, TP, quốc gia). Mỗi dạng lại có thể phân chia thành các tiểu dạng (tức tên các đối tượng cụ thể). Tuy nhiên, cách phân chia này đã loại bỏ hai mảng địa danh lớn là tên các vùng lãnh thổ và tên các công trình xây dựng thiên về không gian hai chiều như tên cầu, tên đường. Cách phân loại địa danh của Nguyễn Văn Âu *"là không dựa vào các tiêu chí ngôn ngữ học mà chỉ dựa vào đặc điểm địa lí - xã hội. Vì vậy, kết quả phân loại ở đây thiếu logic, không tuân theo một trật tự có tính chất khái quát để nghiên cứu địa danh dưới góc độ ngôn ngữ học"* [Nguyễn Văn Âu, 2002, tr.23].

Tác giả Lê Trung Hoa (1991, 2006) dựa vào đối tượng và căn cứ vào tiêu chí *tự nhiên - không tự nhiên* để chia địa danh thành hai loại lớn. Đó là *địa danh tự nhiên và địa danh không tự nhiên*. Địa danh tự nhiên là địa danh gọi tên các đối tượng địa hình thiên nhiên, còn địa danh không tự nhiên là địa danh gọi tên các đối tượng nhân tạo. Loại địa danh không tự nhiên bao gồm địa danh gọi tên các công trình xây dựng, địa danh gọi tên các đơn vị hành chính và địa danh gọi tên vùng. Mặt khác, *căn cứ vào nguồn gốc ngôn ngữ*, tác giả đã phân loại địa danh thành hai nhóm lớn là *địa danh thuần Việt* và *địa danh không thuần Việt*. Lê Trung Hoa đã trình bày các vấn đề địa danh đặt trong khung cảnh của ngôn ngữ học, hướng đến tính hệ thống, tính lí thuyết sớm hơn cả so với các tác giả khác.

Trên cơ sở hai tiêu chí về phân loại địa danh của Lê Trung Hoa, Nguyễn Kiên Trường (1996) đã bổ sung thêm tiêu chí chức năng giao tiếp của địa danh: *Dựa vào thuộc tính đối tượng*, tác giả chia địa danh Hải Phòng thành 2 nhóm: (1) Nhóm địa danh chỉ đối tượng địa lí tự nhiên; (2) Nhóm địa danh chỉ đối tượng địa lí nhân văn. *Dựa vào ngữ nguyên*, tác giả chia địa danh Hải Phòng thành 7 nhóm: (1) Địa danh có nguồn gốc Hán-Việt; (2) Địa danh có nguồn gốc thuần Việt; (3) Địa danh có nguồn gốc từ tiếng Pháp; (4) Địa danh có nguồn gốc từ phương ngữ Quảng Đông; (5) Địa danh có nguồn gốc khác như Tày-Thái, Việt-Mường, Môn-Khmer, Chăm, Mã Lai; (6) Địa danh có nguồn gốc hỗn hợp; (7) Địa danh chưa xác định được nguồn gốc. *Dựa vào chức năng giao tiếp*, tác giả chia địa danh ra 4 loại: (1) Loại địa danh có tên gọi chính thức do nhà nước đặt và có trong các văn bản hành chính; (2) Loại địa danh theo cách gọi dân gian (tên quen gọi trong dân gian); (3) Loại (địa danh) tên cũ, tên cổ; (4) Loại (địa danh) tên khác [Nguyễn Kiên Trường, 1996, tr.45-50].

Phan Xuân Đạm (2005) vừa tiếp thu có chọn lọc những quan điểm về phân loại địa danh của các tác giả đi trước, vừa bổ sung những vấn đề chưa rõ trong phân loại địa danh, tác giả đã phân chia địa danh theo thành tố chung và theo các trường từ vựng-ngữ nghĩa: *Theo tiêu chí tự nhiên và không tự nhiên*, chia địa danh Nghệ An ra thành 2 loại lớn, 5 kiểu loại nhỏ và 91 dạng. *Xét theo phương diện ngữ nghĩa*, tác giả đã phân loại hệ thống địa danh ở Nghệ An thành 6 trường từ vựng ngữ nghĩa: (1) Các địa danh về núi non sông nước; (2) Các địa danh về đồng ruộng; (3) Các địa danh về công trình xây dựng; (4) Các địa danh về đường phố; (5) Các địa danh về các đơn vị dân cư; (6) Các địa danh gắn với đời sống văn hoá tinh thần [Phan Xuân Đạm, 2005, tr.103-109].

Tổng hợp ý kiến của các tác giả đi trước về phân loại địa danh, trên cơ sở đối tượng và phạm vi nghiên cứu, có thể chia địa danh theo hai phương diện: *chia địa danh theo đối tượng* và *chia địa danh theo ngữ nguyên.*

- *Chia địa danh theo đối tượng*, có hai nhóm lớn: (a) *Nhóm địa danh chỉ các đối tượng tự nhiên* (bao gồm tên các địa hình núi, đồi, sông, suối, ao, đầm,...); (b) *Nhóm địa danh chỉ các đối tượng do con*

người kiến tạo. Trong nhóm này có thể chia ra làm 2 loại nhỏ: (1) *Loại địa danh chỉ đối tượng là nơi cư trú* (thôn, buôn, làng, xóm, xã, phường, khối, quận, huyện, TP,...); (2) *Loại địa danh chỉ các công trình xây dựng*, như: tên cầu, cống, đường phố, sân vận động, công viên, khách sạn,…

- *Chia địa danh theo ngữ nguyên*, có 5 loại: (1) Loại địa danh gốc bản địa (đặt theo cách và tiếng của các dân tộc thiểu số tại chỗ - các cư dân sống lâu đời trên địa bàn); (2) Loại địa danh thuần Việt; (3) Loại địa danh Hán-Việt; (4) Loại địa danh có nguồn gốc khác; (5) Loại địa danh chưa xác định được nguồn gốc.

Như vậy, tên gọi khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh: *Theo đối tượng*, thuộc loại địa danh chỉ các công trình xây dựng, trong nhóm địa danh chỉ các đối tượng do con người kiến tạo. *Theo ngữ nguyên*, gồm các loại: Địa danh tiếng Anh; Địa danh tiếng Việt; Địa danh kết hợp giữa tiếng Anh và tiếng Việt; Địa danh sử dụng các hình thức kết hợp khác. Bài viết chủ yếu nghiên cứu nguồn gốc tên gọi khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh theo ngữ nguyên.

3. Các tiêu chí phân loại tên gọi khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh

Cơ sở xác định các tiêu chí phân loại tên gọi khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh là dựa vào bảng hiệu của khách sạn; dựa vào kết quả khảo sát phỏng vấn và kết hợp đối chiếu các thông tin trên trang web chính thức của khách sạn để xác định các tiêu chí phân loại. Khảo sát 391 tên gọi khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh, dựa vào các tiêu chí như sau:

- Hệ thống các tên gọi khách sạn bằng tiếng nước ngoài (chủ yếu là tiếng Anh). Trong mỗi tên gọi có thể là tiếng Anh hoặc một ngôn ngữ khác, như: tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Latin… hoặc tiếng Anh kết hợp với một trong các ngôn ngữ khác. Trong các tên gọi này, một số tên gọi kèm theo: chữ cái (kí hiệu riêng của chủ nhân khách sạn); địa danh tiếng Việt viết theo kiểu tiếng Anh; số từ và một số kí hiệu @, &.

- Hệ thống các tên gọi khách sạn bằng tiếng Việt. Phần lớn các tên gọi khách sạn được biểu đạt bằng tên chủ nhân hoặc người thân của chủ nhân khách sạn. Ngoài ra một số tên gọi khách sạn kèm theo địa danh; từ ngữ chỉ phương hướng, đặc điểm của khách sạn; từ ngữ chỉ các sự kiện lịch sử, những ước nguyện cao đẹp của chủ nhân khách sạn và các số từ,...

- Hệ thống các tên gọi khách sạn bằng tiếng Việt kết hợp với tiếng nước ngoài. Trong hệ thống các tên gọi khách sạn này, có: *Một số tên gọi sử dụng tiếng Việt*: tên thể loại *Khách sạn* (thành tố chung), địa danh, tên chủ nhân hoặc người thân chủ nhân khách sạn; từ ngữ chỉ sự kiện lịch sử, kèm theo số từ, một số chữ cái thể hiện nét riêng của khách sạn. *Một số tên gọi sử dụng tiếng nước ngoài* (chủ yếu là tiếng Anh) để chỉ: tên riêng của khách sạn; các từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất, dịch vụ của khách sạn; các từ ngữ chỉ ước nguyện và ý tưởng kinh doanh của chủ nhân. Ngoài ra tên gọi khách sạn trong nhóm tiêu chí này còn có các tổ hợp chữ cái viết tắt một số từ ngữ do chủ nhân tạo ra để biểu đạt một ý nghĩa mới, tạo hệ thống, nét riêng của khách sạn, như: *Vinpearl* (ngọc trai Việt), *Luxhomes* (nhà sang trọng), *Vinhomes* (nhà Việt),…

4. Kết quả phân loại tên gọi khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh

Từ những tiêu chí trên, khảo sát 391 tên gọi khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh xét về nguồn gốc ngôn ngữ được chia thành 3 nhóm. Kết quả cụ thể được thống kê ở bảng 2.1.

Nhóm 1: Hệ thống các tên gọi khách sạn bằng tiếng nước ngoài (chủ yếu là tiếng Anh). Có 218/391 (55,75%).

Nhóm 2: Hệ thống các tên gọi khách sạn bằng tiếng Việt. Có 121/391 (30,95%).

Nhóm 3: Hệ thống các tên gọi khách sạn bằng tiếng Việt kết hợp với tiếng nước ngoài. Có 52/391 (13,3%).

***Bảng 2.1**. Phân loại nguồn gốc ngôn ngữ tên gọi khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh*

Nhóm 1. Tên gọi tiếng nước ngoài			*Nhóm 2*. Tên gọi tiếng Việt			*Nhóm 3*. Tên gọi tiếng Việt kết hợp với tiếng nước ngoài					
						Tiếng Việt, tiếng DTTS, tổ hợp chữ cái			*Tiếng nước ngoài*		
Các tiếng nước ngoài	Số lượng	Tỉ lệ %	Phạm vi	Số lượng	Tỉ lệ %	Phạm vi	Số lượng	Tỉ lệ %	Các tiếng	Số lượng	Tỉ lệ %

tiêu biểu									nước ngoài tiêu biểu		
Anh	171	78,44	Tiếng Việt	121	100	Tiếng Việt	46	88,46	Anh	39	75,00
Pháp	14	6,42				Tiếng DTTS	1	1,92	Nhật	5	9,61
Hy Lạp	11	5,04				Tổ hợp chữ cái	5	9,62	Pháp	4	7,69
Nhật	5	2,29							Tổ hợp chữ cái	2	3,85

4.1. Tên gọi khách sạn là tiếng nước ngoài

Tên gọi khách sạn là tiếng ngoài, xét về nguồn gốc ngôn ngữ, bao gồm các tên gọi bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Hy Lạp, tiếng Nhật, tiếng Latin, nhưng chủ yếu là tiếng Anh. Quá trình khảo sát về nguồn gốc từ ngữ, kết hợp so sánh đối chiếu từ vựng của các ngôn ngữ và tra cứu các từ điển của các ngôn ngữ có liên quan, cho thấy: Với 218 tên gọi khách sạn thuộc thành tố riêng được biểu đạt bằng tiếng nước ngoài, trong đó có các ngôn ngữ: tiếng Anh 171/218 (78,44%); các ngôn ngữ khác 47/218 (21,56%), gồm các thành phần trong tên riêng khách sạn có nguồn gốc: tiếng Pháp 14/218 (6,42%), tiếng Hy Lạp 11/218 (5,04%), tiếng Nhật 5/218 (2,29%), tiếng Ý 3/218 (1,37%), tiếng Tây Ban Nha 3/218 (1,37%), tiếng Latin 2/218 (0,92%), Bồ Đào Nha 2/218 (0,92%), còn lại các ngôn ngữ, như các tiếng: Đức, Hà Lan, Phạn, Indonesia, Na Uy, Ai Cập, Ấn Độ, mỗi ngôn ngữ có 1/218 (0,46%). Chẳng hạn:

Tên gọi khách sạn bằng tiếng Anh. Ví dụ: *Renaissance riverside hotel Saigon* (Khách sạn Phục Hưng ven sông Sài Gòn); *Liberty hotel Saigon park view* (Khách sạn Tự do nhìn ra công viên Sài Gòn); *Riverside hotel Saigon* (Khách sạn Ven sông Sài Gòn); *Asian ruby park view hotel* (Khách sạn Hồng Ngọc châu Á nhìn ra công viên); *Rainbow hotel* (Khách sạn Cầu vồng); *New World hotel* (Khách sạn Thế giới mới); *Grand hotel Saigon* (Khách sạn Lớn Sài Gòn); *Hotel seven* (Khách sạn Bảy),…

Tên gọi khách sạn bằng tiếng Pháp. Ví dụ: *Jolie* (tên của một cô gái có nghĩa là đẹp) trong *Silverland jolie hotel & spa; Sofitel* (khách sạn Pháp) trong *Sofitel Plaza; Caravelle* (cánh buồm) trong *Caravelle Saigon; Le Méridien* (xích đạo) trong *Le meridien Saigon; Charmés* (quyến rũ) trong *Charmés crescent mall.*

Tên gọi khách sạn bằng ngôn ngữ khác, như: tiếng Hy Lạp. Ví dụ: *Eros* (thần tình yêu trong thần thoại Hy Lạp) trong *Eros hotel; Pylos* (tên một thị trấn ở Hy Lạp) trong *Pylos hotel; Chloe* (chồi xanh) trong *Chloe Gallery hotel; Pandora* (người phụ nữ đầu tiên trong thế giới loài người trong thần thoại Hy Lạp) trong *Pandora hotel; Aristo* (tốt nhất) trong *Aristo hotel; Elios* (mặt trời) trong *Elios hotel.* Tiếng Nhật. Ví dụ: *Nikko* (ánh nắng hoặc mặt trời) trong *Hotel Nikko Saigon; Oyo* (thế giới) trong *Oyo 471 white 1 hotel; Sumi* (đã sẵn sàng) trong *Sumi hotel*. Chủ nhân tên gọi các khách sạn thường là người thuộc các quốc gia sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình hoặc cá nhân và tổ chức quản lí khách sạn có mối quan hệ kinh doanh với các đối tác là người nước ngoài sử dụng ngôn ngữ của quốc gia đó.

Vì vậy, sử dụng tên gọi khách sạn là tiếng nước ngoài (chủ yếu là tiếng Anh) mang tính hiện đại, tân tiến, phù hợp với nhu cầu giao tiếp và hội nhập quốc tế, thuận lợi trong kinh doanh tiếp nhận khách hàng là người nước ngoài và các đối tác quốc tế, thuận lợi trong việc tạo trang Web của nhà quản lí khách sạn để giới thiệu, quảng bá các sản phẩm và dịch vụ của khách hành quốc tế. Tuy nhiên, sử dụng tên gọi khách sạn là tiếng nước ngoài cũng cản trở đến tiếp nhận thông tin của khách hàng không thông thạo tiếng nước ngoài ở trong nước. Do những tên gọi khó đọc, khó hiểu và khó nhớ.

4.2. Tên gọi khách sạn là tiếng Việt

Có 121 các từ ngữ biểu đạt trong thành tố riêng thuộc tên gọi khách sạn là tiếng Việt. Ví dụ: *Sài Gòn, Sạch Tên lửa, Lá, Thanh Ngân, Tường Vy, Hương Sen, Bông Sen, Rạng Đông, Khách sạn Sen Việt, Phương Ly, Bến Sông, Diễm My. Đồng Khởi, Kỳ Vân, Tâm Tín, Đồng Khánh, Phước Lộc Thọ,*

Phú Mỹ An, Gia Bảo, Nhật Hạ, Kim Đô, Đệ Nhất, Thiên Bảo Bình, Hoàng Phú Gia, Hoàn Vũ, Thiên Xuân, Bát Đạt, Tân Sơn Nhất, Hoàng Long, Anh Thư, Minh Phát, Hồng Bảo Thạch, Phú An,…

Tên gọi khách sạn bằng tiếng Việt có tỉ lệ đứng sau tên gọi khách sạn là tiếng Anh. Đây là hệ thống khách sạn phát triển sau thời kì giải phóng năm 1975, nhất là thời kì đổi mới từ năm 1986 đến nay. Tên gọi khách sạn bằng tiếng Việt giúp khách hàng dễ nhớ, dễ đọc, dễ hiểu, có giá trị lưu giữ các giá trị ngôn ngữ, văn hóa và lịch sử của dân tộc; phản ánh truyền thống, ước nguyện cao đẹp trong cuộc sống và trong kinh doanh, phù hợp với xu hướng phát triển của dân tộc. Tuy nhiên, tên gọi khách sạn bằng tiếng Việt cũng có phần nào bất tiện cho người nước ngoài khi đến làm việc ở Việt Nam (khi họ không biết tiếng Việt), chưa thích ứng với xu hướng hội nhập quốc tế trong cuộc sống hiện đại.

4.3. Tên gọi khách sạn là tiếng Việt kết hợp với tiếng nước ngoài

Ngoài thành tố riêng của tên gọi khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh có nguồn gốc là tiếng nước ngoài và tiếng Việt, còn có số lượng đáng kể tên gọi khách sạn kết hợp giữa tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Về nguồn gốc ngôn ngữ của các tên gọi này, trong mỗi tên gọi vừa khảo sát nguồn gốc của tiếng Việt vừa xét nguồn gốc của tiếng nước ngoài.

Về nguồn gốc tiếng Việt trong tên gọi khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh, khảo sát 52 tên gọi kết hợp giữa tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Các tên gọi có nguồn gốc là tiếng Việt là 46/52 (88,46%). Ví dụ: *Khách sạn Valentine* (Khách sạn Lễ tình nhân); *Lê Duy grand hotel* (Khách sạn lớn Lê Duy); *Khách sạn Hoàng Anh star* (Khách sạn Hoàng Anh ngôi sao); *Lam Kinh hotel* (Khách sạn Lam Kinh); *Mai villa hotel* (Khách sạn Biệt thự Mai); *Khách sạn Sài Gòn star* (Khách sạn Sài Gòn sao),… 1/52 (1,92%) *từ có nguồn gốc tiếng dân tộc thiểu số*, như: Mường Thanh. Theo tác giả [Ch Rostaing, 1965], từ *Mường Thanh* "bắt nguồn từ chữ *Mường Then*, theo tiếng dân tộc Thái nghĩa là *Xứ Trời* gắn với truyền thuyết về sự phát sinh ra dân tộc Thái vùng Tây Bắc". *Tổ hợp chữ cái, ghép các thành phần của âm tiết để tạo nên nghĩa biểu trưng mới của tên khách sạn*, gồm 5/52 (9,62%) lượt, như: *Vin* (viết tắt chữ Việt Nam), trong các tên:*Vinpearl luxury landmark 81*; *Vinhomes serviced apartments luxhome*; *Luxhomes Saigon - Vinhomes central park*. *Hoasun* trong *Hoasun boutique apartment - Vinhomes central park.* (ghép tiếng Việt "hoa" với tiếng Anh "sun" - mặt trời thành "hoasun").

Về nguồn gốc tiếng nước ngoài: Trong 52 tên gọi khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh có thành tố riêng là tiếng nước ngoài, trong đó có: 39/52 (75%) lượt là tiếng Anh; 11/52 (21,15%) là tiếng các nước khác; 2/52 (3,85%) lượt tổ hợp chữ cái, ghép các thành phần của âm tiết để tạo nên nghĩa biểu trưng mới của tên khách sạn. Chẳng hạn:

Thành tố riêng trong tên khách sạn là tiếng các nước khác (ngoài tiếng Anh): Tiếng Nhật 5/52 (9,61%). Ví dụ: *Oyo* (thế giới) (4 lượt) trong các tên gọi: *Oyo 261 Binh Dung hotel*; *Oyo 476 Van Anh hotel*; *Oyo 560 Le Ngan Phung hotel*; *Oyo 996 Hoang Tuan hotel*. Tiếng Pháp 4/52 (7,69%). Ví dụ: *Arc en ciel* (cầu vồng) trong *Khách sạn Arc en ciel*; *Duxton* (hai giai điệu) trong *Khách sạn Duxton Saigon*; *Victory* (chiến thắng) trong *Khách sạn Victory*; *Bel ami* (bạn tốt) trong *Khách sạn TTC deluxe - Tân Bình (Bel ami cũ).* Tiếng Ý 1/52 (1,92%). Tiếng Phần Lan 1/52 (1,92%).

2/52 (3,85%) tổ hợp chữ cái, ghép các thành phần của âm tiết để tạo nên nghĩa biểu trưng mới của tên khách sạn, như: *Lux* (viết tắt chữ luxury) trong các tên gọi: *Vinhomes serviced apartments luxhome*; *Luxhomes Saigon - Vinhomes central park.*

Các thành tố riêng kết hợp giữa tiếng Việt và tiếng nước ngoài trong tên gọi khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh thể hiện sự kết hợp, lắp ghép có hệ thống giữa tiếng Việt và tiếng nước ngoài (chủ yếu là tiếng Anh) khi đặt tên cho khách sạn. Kiểu đặt tên này vừa biểu đạt sự giao thoa ngôn ngữ và văn hóa của người Việt với các cộng đồng khác trên thế giới, vừa biểu hiện ý tưởng kinh doanh qua tên gọi khách sạn đáp ứng nhu cầu nắm thông tin của người Việt và người nước ngoài.

Tuy nhiên tên gọi khách sạn là tiếng Việt kết hợp với tiếng nước ngoài cũng có những bất tiện cho khách hàng. Đối với người nước ngoài không hiểu tiếng Việt chỉ hiểu được các từ tiếng nước ngoài; đối với những người Việt không hiểu tiếng nước ngoài, vì thế thông tin về khách sạn qua tên gọi sẽ không đầy đủ. Mặt khác do kết hợp hai ngôn ngữ cho nên về các dùng từ và cấu trúc trong tên gọi cũng không được hoàn chỉnh.

5. Kết luận

Dựa trên quan điểm *chia địa danh theo đối tượng* tên gọi khách sạn tạo TP. Hồ Chí Minh thuộc loại địa danh chỉ các công trình xây dựng, trong nhóm địa danh chỉ các đối tượng do con người kiến tạo. Dựa trên quan điểm *chia địa danh theo ngữ nguyên*, tên gọi khách sạn tại TP. Hồ Chí Minh được chia thành 3 nhóm chính với kết quả khảo sát: Tên gọi khách sạn là tiếng nước ngoài 218/391 (55,75%); Tên gọi khách sạn là tiếng Việt 121/391 (30,95%); Tên gọi khách sạn là tiếng Việt kết hợp với tiếng nước ngoài 52/391 (13,3%).

Kết quả trên cho thấy xu hướng đặt tên khách sạn có nguồn gốc là tiếng nước ngoài (chủ yếu là tiếng Anh) chiếm một tỉ lệ lớn. Trong xu thế hội nhập, các ngành kinh doanh tìm cơ hội, tạo các điều kiện hòa mình vào dòng chảy của thời đại để thích ứng và phát triển, trong đó có ngành kinh doanh khách sạn. Các nhà đầu tư không chỉ nâng cấp, nâng hạng đáp ứng nhu cầu nghỉ dưỡng của khách hàng mà còn tăng cường các thông tin giới thiệu quảng bá trong nước và trên thế giới qua mạng internet, trên các phương tiện thông tin đại chúng. Các chủ nhân khách sạn còn tìm ra một tên gọi bằng tiếng nước ngoài có những hình thức cấu tạo và ý nghĩa nhất định để tiện lợi trong kinh doanh và quảng bá sản phẩm đối với khách hàng là người nước ngoài để tăng thêm lợi nhuận. Trong xu thế đó, tên gọi khách sạn là tiếng nước ngoài, mà tiêu biểu nhất là tiếng Anh trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh có số lượng nhiều hơn so với tên gọi khách sạn có nguồn gốc là tiếng Việt hay các tên gọi khách sạn bằng tiếng Việt kết hợp với tiếng nước ngoài.

** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Tài chính-Marketing, Thành phố Hồ Chí Minh.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Âu (2002), *Một số vấn đề về địa danh Việt Nam*, in lần thứ hai, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. *Cục Thống kê TP. Hồ Chí Minh.* "Khách sạn". *Website TP Hồ Chí Minh.* Lưu trữ *bản gốc ngày 26 tháng 1 năm 2010*. Truy cập ngày 22 tháng 5 năm 2014.
3. Phan Xuân Đạm (2005), *Khảo sát các địa danh ở Nghệ An*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học Vinh, Nghệ An.
4. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở TP. Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Lê Trung Hoa (2006), *Địa danh học Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Từ Thu Mai (2004), *Nghiên cứu địa danh Quảng Trị*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học KHXH và NV, ĐHQG Hà Nội.
7. Nguyễn Kiên Trường (1996), *Những đặc điểm chính địa danh Hải Phòng*, Luận án PTS, Trường Đại học KHXH và NV, Hà Nội.
8. A.V. Superanskaja (1985), *Địa danh là gì,* (Đinh Lan Hương dịch, Nguyễn Xuân Hoà hiệu đính), 2002, Hà Nội.

Tiếng Pháp

9. A Dauzat (1948), *La Toponnymie Frangcaise*, Paris.
10. Ch Rostaing (1965), *Les noms de lieux. P.V.F*, Paris.

Characteristics of how to name hotel in Ho Chi Minh City

Abstract: Place names are words used to name and distinguish and locate natural and man-made geographical features. Place names contain many linguistic and cultural values of the community through each historical period. On the basis of the theory of place name classification, the article develops classification criteria, thereby clarifying the characteristics of naming hotels in Ho Chi Minh City according to groups: The name of the hotel is in the language of the country. outside; The name of the hotel is in Vietnamese: The name of the hotel is Vietnamese combined with a foreign language. The research results contribute to the expression of linguistic and cultural values through place names, contributing to the development of the hotel business in the tourism industry in Ho Chi Minh City.

Key words: characteristics; origin; name; hotel; Ho Chi Minh city.